TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2026
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 383/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Anh T**, sinh ngày 01/01/1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã Long H, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông **Lê Minh V**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã Long H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như biên bản không tiến hành hoà giải Nguyên đơn bà Trần Thị Anh T trình bày:

Do người khác giới thiệu nên bà Trần Thị Anh T có quen biết với ông Lê Minh V. Đến năm 2010 cả hai tiến tới hôn nhân và có tổ chức đám cưới theo phong tục. Bà T và ông V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long (*nay là Ủy ban nhân dân xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh*

Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2010 ngày 07/8/2010.

Sau khi kết hôn thì bà T và ông V sinh sống cùng nhau bên nhà ông V, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải nhau dẫn đến vợ chồng rạn nứt và không còn tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Sau đó bà T trở về nhà cha mẹ ruột sống, để lại 03 con cho ông V nuôi dưỡng, từ khi chị bỏ đi ông V không kêu chị về, 03 con thương về bà ngoại. Vợ chồng ly thân không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Nay chị Anh Thư nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với ông V nên chị yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh V.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Trần Minh H, sinh ngày 16/5/2012, Lê Trần Minh H, sinh ngày 10/4/2014, Lê Trần Nhật H, sinh ngày 30/9/2018, hiện nay 03 con đang ở với ông V, bà T đồng ý giao 03 con cho ông V nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Anh T không yêu cầu giải quyết.

Ngày 26/01/2026 bà Trần Thị Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Lý do chị bận công việc không thể tham gia phiên tòa. Trong đơn chị yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh V. Về con chung có 03 con chung tên Lê Trần Minh H, sinh ngày 16/5/2012, Lê Trần Minh H, sinh ngày 10/4/2014, Lê Trần Nhật H, sinh ngày 30/9/2018, hiện nay 03 con đang ở với ông V, chị không biết ông V ở đâu, không lấy ý kiến của các con, nên bà T không yêu cầu giải quyết về con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập hợp lệ hai lần ông Lê Minh V đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng đến ngày làm việc ông V không đến và không gửi bản khai ý kiến gì về việc chị Anh Thư yêu cầu ly hôn với anh. Tòa án có xác minh nơi cư trú của ông V và được Công an xã Long Hồ xác nhận ông V còn đăng ký hộ khẩu tại ấp Phú An A, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, vì có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Ngày 26/01/2026, bà Trần Thị Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Minh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ niêm yết công khai hai lần đến Toà án tham dự phiên toà xét xử, đến ngày xét xử ông V không đến, ông V còn đăng ký hộ khẩu tại ấp An Phú A, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nhưng ông đã bỏ đi. Căn cứ vào khoản 1, 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với bà Trần Thị Anh T và ông Lê Minh V.

[1.2] Bà Trần Thị Anh T yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh V đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Lê Minh V thường trú tại ấp An Phú A, xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Anh T và ông Lê Minh V có quen biết và kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nay là xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, vào ngày 07/8/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về mâu thuẫn bà T có khai vợ chồng chung sống bất đồng ý kiến, thường cự cãi nhau, không có tiếng nói chung. Đến tháng 4/2020 bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, bà để 03 đứa con cho ông V nuôi dưỡng, khi bà bỏ về nhà ông V không có kêu bà, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà yêu cầu được ly hôn với ông V. Ông Lê Minh V vắng mặt. Xét hôn nhân giữa bà Trần Thị Anh T và ông Lê Minh V đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị Anh T được ly hôn với ông Lê Minh V là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: có 03 con chung tên Lê Trần Minh H, sinh ngày 16/5/2012, Lê Trần Minh H, sinh ngày 10/4/2014, Lê Trần Nhật H, sinh ngày 30/9/2018, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/01/2026 bà T trình bày, hiện nay 03 con chung đang sống với ông V, nhưng bà không biết ông V sống ở đâu, nên bà không lấy ý kiến nguyện vọng của các con được. Nay bà không yêu cầu giải quyết về 03 con chung. Xét bà Anh T không yêu cầu giải quyết về con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về 03 con chung.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Lê Minh V vắng mặt không cung cấp giữa ông và bà T có tài sản chung cũng như có nợ hay không, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Anh T được ly hôn với ông Lê Minh V.

2. Về con chung: có 03 con chung tên Lê Trần Minh H, sinh ngày 16/5/2012, Lê Trần Minh H, sinh ngày 10/4/2014, Lê Trần Nhật H, sinh ngày 30/9/2018, bà Trần Thị Anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008978 ngày 10/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Trần Thị Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Điệp